

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ ĐAK KRONG
Số: 29/TB-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Đak Krong, ngày 20 tháng 10 năm 2022

THÔNG BÁO

V/v Công khai tình hình thực hiện thu, chi ngân sách xã quý 3 năm 2022

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương năm 2015.

Thực hiện thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ tài chính về việc hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách.

Ủy ban nhân dân xã Đak Krong thông báo công khai tình hình thực hiện thu, chi ngân sách xã quý 3 năm 2022 (Các biểu kèm theo)./.

Nơi nhận:

- TT Đảng uỷ xã (b/c);
- TT HĐND xã (b/c);
- Các ban ngành, đoàn thể xã (b/c);
- Lưu VT-KT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

TM. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Hà Văn Kiên

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH XÃ QUÝ III NĂM 2022

Đơn vị:
đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM	ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ 3	SO SÁNH
A	B	1	2	3=2/1
I	TỔNG SỐ THU	5.093.000.000	5.739.681.898	112,70
1	Các khoản thu xã hưởng 100%	47.000.000	3.404.083	7,24
2	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ (1)	264.000.000	440.657.887	166,92
3	Thu bổ sung	4.782.000.000	5.295.619.928	110,74
	- Thu bổ sung cân đối	4.782.000.000	1.195.500.000	25,00
	- Thu bổ sung có mục tiêu		4.100.119.928	
4	Thu chuyển nguồn			
5	Thu kết dư			
6	Tạm thu chưa đưa vào NS			
II	TỔNG SỐ CHI	5.044.000.000	1.155.064.572	22,90
1	Chi đầu tư phát triển			
2	Chi thường xuyên	4.944.000.000	1.155.064.572	23,36
3	Dự phòng	100.000.000		0,00

THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH XÃ QUÝ III NĂM 2022

Đơn vị: đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2022		ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ 3		SO SÁNH (%)	
		THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX
A	B	1	2	3	4	5=3/1	6=4/2
	TỔNG THU	5.227.000.000	5.093.000.000	5.888.589.460	5.739.694.716	112,66	112,70
I	Các khoản thu 100%	47.000.000	47.000.000	3.564.697	3.404.083	7,58	7,24
	Phí, lệ phí	18.000.000	18.000.000	2.991.000	2.991.000	16,62	16,62
	Thu xử phạt ATGT	2.000.000	2.000.000		0	0,00	0,00
	Thu khác	27.000.000	27.000.000	573.697	413.083	2,12	1,53
II	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)	398.000.000	264.000.000	589.392.017	440.657.887	148,09	166,92
	Phí trước bạ nhà đất	17.000.000	17.000.000	100.764.061	100.764.061	592,73	592,73
	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	2.000.000	2.000.000	6.623.550	6.623.550	331,18	331,18
	Thuế giá trị gia tăng	66.000.000	19.800.000	14.459.236	5.188.657	21,91	26,21
	Thuế chuyển quyền sử dụng đất	252.000.000	176.400.000	459.545.170	321.681.619	182,36	182,36

	Tiền sử dụng đất	61.000.000	48.800.000	8.000.000	6.400.000	13,11	13,11
	Thu phạt chậm nộp thuế						
III	Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)						
IV	Thu chuyển nguồn			0	0		
V	Thu kết dư ngân sách năm trước			12.818	12.818		
VI	Tạm thu chưa đưa vào NS						
VII	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	4.782.000.000	4.782.000.000	5.295.619.928	5.295.619.928	110,74	110,74
	- Thu bổ sung cân đối	4.782.000.000	4.782.000.000	1.195.500.000	1.195.500.000	25,00	25,00
	- Thu bổ sung có mục tiêu		0	4.100.119.928	4.100.119.928		

THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH XÃ QUÝ III NĂM 2022

Đơn vị: đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2022			ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ 3			SO SÁNH (%)		
		TỔNG SỐ	XDCB	TX	TỔNG SỐ	XDCB	TX	TỔNG SỐ	XDCB	TX
A	B	1	2	3	4	5	6	7=4/1	8=5/2	10=6/3
	TỔNG CHI	5.044.000.000	0	5.044.000.000	1.155.064.572	0	1.155.064.572	22,90		22,90
	Trong đó				0					
1	Chi đầu tư xây dựng cơ bản				0					
2	Chi giáo dục	27.000.000		27.000.000	1.713.500		1.713.500	6,35		6,35
3	Chi y tế	61.000.000		61.000.000	14.028.000		14.028.000	23,00		23,00
4	Chi văn hóa, thông tin	22.000.000		22.000.000	0			0,00		0,00
5	Chi phát thanh, truyền thanh	0		0	0					
6	Chi thể dục thể thao	70.000.000		70.000.000	8.280.000		8.280.000	11,83		11,83
7	Chi bảo vệ môi trường	30.000.000		30.000.000	12.465.000		12.465.000	41,55		41,55
8	Chi các hoạt động kinh tế	0		0	0					
9	Chi hoạt động của cơ quan quản lý Nhà nước, Đảng, đoàn thể	4.055.504.000		4.055.504.000	990.025.390		990.025.390	24,41		24,41
10	Chi cho công tác xã hội	42.000.000		42.000.000	7.800.000		7.800.000	18,57		18,57

11	Chi khác	636.496.000		636.496.000	120.752.682		120.752.682	18,97		18,97
12	Chi tiết kiệm 10%	0			0					
13	Dự phòng ngân sách	100.000.000		100.000.000	0			0,00		0,00